

NHÂN VẬT DỊ BIỆT TRONG VĂN HỌC THIẾU NHI THỜI KỲ ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP

◆ PGS. TS LÃ THỊ BẮC LÝ

Văn học thiếu nhi (VHTN) Việt Nam là một bộ phận quan trọng của nền văn học dân tộc. Trải qua nhiều biến cố lịch sử, trong sự phát triển, VHTN tuy có lúc thăng lúc trầm nhưng bộ phận văn học ấy luôn là người bạn đồng hành và đã có những ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống trẻ thơ.

VHTN Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập phát triển phong phú, đa dạng trong cách khai thác đề tài, chủ đề, mở ra khả năng bao quát những bức tranh sinh động về đời sống trẻ em. So với giai đoạn trước, có thể nói, nhà văn thời kỳ này đã có những cách tân trong cách tiếp cận nhân vật trẻ em. Không chỉ là nhìn nhận, khám phá trẻ thơ ở phương diện “con ngoan, trò giỏi” kiểu truyền thống mà tiếp cận, khám phá trẻ thơ như những số phận, những nhân cách được tác động từ nhiều hướng, nhiều chiều. Nhân vật trong VHTN thời kỳ này, vì vậy, rất đa dạng, đa diện, trong đó có nhân vật mang những đặc điểm bất bình thường về nhân hình, nhân tính hoặc nguồn gốc xuất thân. Đó là nhân vật dị biệt - một kiểu nhân vật khá đặc trưng, khẳng định một xu hướng sáng tác của VHTN nói riêng, văn học Việt Nam nói chung thời kỳ đổi mới và hội nhập.

Nhân vật dị biệt thực ra cũng không hoàn toàn là nét mới của văn học thời kỳ này. Tuy nhiên, mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn, nhân vật dị biệt có những nét riêng, thể hiện cách tư duy, cách nhìn nhận, lý giải riêng về hiện thực và con người của nhà văn. Trong văn học dân gian, với sự hạn chế về trình độ nhận thức cùng quan niệm “vạn vật hữu linh”, nhân vật dị biệt được xây dựng chủ yếu là dị biệt về ngoại hình, hành động, thể năng. Nó thể hiện cách nhìn, sự lý giải so khai của con người cổ xưa về các hiện tượng tự nhiên hoặc thể hiện quan niệm về thiện, ác. Trong văn học trung đại, nhân vật “kỳ hình dị tướng” thường được dùng để miêu tả những bậc kỳ tài hay đế vương, thể hiện quan niệm thẩm mỹ về đạo đức và những chuẩn mực đánh giá con người. Trong thể loại truyền kỳ, nhân vật biến hình, ma quái xuất hiện thể hiện quan niệm có hai cõi âm-dương cùng tồn tại.

Trong văn học hiện đại, đặc biệt là văn học từ thời kỳ đổi mới, với những cách tân trong quan niệm nghệ thuật về con người, nhân vật dị biệt đã trở thành kiểu nhân vật đặc trưng, xuất hiện với mật độ dày đặc, thậm chí hình thành cả một thế giới dị biệt. Có thể kể ra hàng loạt nhân vật như Quý trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* (Nguyễn Minh Châu); người lính bị chấn

thương sau chiến tranh, người đàn bà câm trong *Nỗi buồn chiến tranh* (Bảo Ninh); Mai Trừng (*Cõi người rung chuông tận thế* - Hồ Anh Thái); Từ Lộ, Dã Nhân, chàng Cá bơn (*Giàn thiêu* - Võ Thị Hảo)... Ở đây, tính dị biệt của nhân vật được biểu hiện trên các phương diện: ngoại hình, ngôn ngữ, hành động và tâm lý. Trong đó, yếu tố tâm lý được khai thác, khắc họa một cách đậm nét. Nhân vật bị biệt đã trở thành phương tiện để nhà văn khám phá con người và cuộc sống. Giá trị của nhân vật không nằm ở tính chung, phổ quát mà thể hiện trong cái cá biệt. Cái riêng của con người được đề cao, thậm chí được tuyệt đối hóa, vượt lên khuôn khổ của cái bình thường, trở thành dị biệt. Đây cũng là quan niệm thẩm mỹ của những nhà văn theo lý thuyết hậu hiện đại. Có thể nói, nhân vật dị biệt xuất hiện như một đặc trưng của giai đoạn văn học này.

Trong VHTN Việt Nam, nhân vật dị biệt cũng đã từng được nhắc tới ở những sáng tác giai đoạn trước. Tuy nhiên, mật độ xuất hiện cũng như cách thể hiện loại nhân vật này thời kỳ đổi mới và hội nhập thì rất khác.

Giai đoạn trước thời kỳ đổi mới, do chịu ảnh hưởng sâu sắc của bối cảnh lịch sử dân tộc, VHTN cũng như văn học Việt Nam nói chung mang khuynh hướng sử thi, hướng đến phản ánh hiện thực rộng lớn của cách mạng với hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Cái riêng nhường chỗ cho cái chung, hiện thực được “tráng lên một lớp men trữ tình”, con người mang vẻ đẹp lý tưởng hóa đại diện cho sức mạnh và phẩm chất của giai cấp,

dân tộc và thời đại. Nhà văn nhắc tới những nhân vật dị biệt với dụng ý như những nhân vật tư tưởng, nhân vật nêu gương. Họ vượt lên những ngặt nghèo của bệnh tật, của khiếm khuyết với một ý chí quật cường và nghị lực phi thường để chiến thắng số phận. Đó là hình ảnh cậu bé cụt hai cánh tay *Hoa Xuân Tú* trong truyện kể cùng tên của Quang Huy (1967), hình ảnh cậu bé bại liệt trong tự truyện *Những năm tháng không quên* (1970) của Nguyễn Ngọc Ký... Các nhân vật đều xuất phát từ những nguyên mẫu ngoài đời nhưng khi đi vào tác phẩm họ trở thành những nhân vật tư tưởng, mang một tầm vóc mới – những người anh hùng trong đời thường.

VHTN thời kỳ đổi mới và hội nhập tiếp cận trẻ em ở khía cạnh số phận cá nhân với những hoàn cảnh và tính cách khác nhau, Con người hiện lên với tất cả sự méo mó, bất hoàn, những góc khuất khó đoán định và không thể biết trước. Nhiều kiểu loại nhân vật mới xuất hiện, và theo đó, sự xuất hiện đậm đặc những nhân vật dị biệt trong VHTN giai đoạn này là một tất yếu, thể hiện sự đổi mới trong quan niệm về con người của các nhà văn. Và đó cũng chính là tinh thần nhân văn cao cả của VHTN giai đoạn này. Có thể khái quát hai loại dị biệt của nhân vật dị biệt trong VHTN Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập là dị biệt về ngoại hình và dị biệt về tâm lý, tính cách.

Loại nhân vật dị biệt về ngoại hình được thể hiện nhiều nhất, rõ nhất và vì hữu hình nên có thể nhận ra ngay khi tiếp xúc. Đó có thể là những khiếm khuyết do bẩm sinh,

cũng có thể là hệ quả của những tai ương bất ngờ xảy ra trong cuộc sống. Đó là cô Út trong *Trên đôi cao chẵn bầu thiên sứ* (Nguyễn Ngọc Thuần), cô bé con ông chủ làm nghề thổi bóng đèn trong *Mảnh vỡ* (Lê Cảnh Nhạc), Toàn trong *Giăng giăng tơ nhện* (Nguyễn Ngọc Thuần) đều bị bại liệt với “đôi chân teo tóp”. Cuộc đời của họ gắn liền với cái xe lăn và không gian gia đình, một “thế giới bất động”, “lặng im” và dường như “không có trao đổi”. Đó còn là Bảy trong *Bàn có năm chỗ ngồi* (Nguyễn Nhật Ánh) “cái chân vòng ra đằng sau một cách bất thường”, khi đi lại, “phải dùng hai cây gậy làm gậy chống”; Mẫn (*Phòng trọ ba người* - Nguyễn Nhật Ánh) có tật ở chân, đi lại khó khăn; ông Năm Ve có sáu ngón tay; là chú Đàn cụt một tay (*Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh* - Nguyễn Nhật Ánh); là chú Hùng với bàn tay phải “chỉ có bốn ngón”; là ông Tư đã bị bom Mỹ cướp mất một cánh tay và một chân (*Một thiên nằm mộng* - Nguyễn Ngọc Thuần); là thằng Dưa còi đẹn, “mười hai tuổi... nhưng trông như đứa bé tám, chín tuổi” (*Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh* - Nguyễn Nhật Ánh). Đó còn là Bé Hoa bị câm bẩm sinh trong *Mười lăm ngọn nến* (Nguyễn Nhật Ánh), bà mẹ câm trong *Tiếng nói người mẹ câm, Lời ru không bán* (Lê Cảnh Nhạc); là Thơ Hoa bị mù cả hai mắt trong *Kính vạn hoa* (Nguyễn Nhật Ánh); là ông lão mù ăn xin trong *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần); là Hồng Hà trong *Những cô em gái* (Nguyễn Nhật Ánh) “mắc tật nói lắp”; là thằng đầu to với biệt danh “ông Kẹ” trong *Vua lũ đồ chơi*, hay Tí bụi,

con Lỗ què trong các truyện ngắn của Quế Hương ... Kỳ dị nữa là hai anh em thằng Tí “dính chùm cả hai vai vào nhau” (*Một thiên nằm mộng* - Nguyễn Ngọc Thuần) với “hai cái đầu nhỏ thó, tóc tai rũ rượi”, “có bốn chân đàng hoàng nhưng chỉ có ba tay” và cánh tay chúng “mọc ra từ cái nách”, những ngón tay “tròn và nhỏ”, “màu hồng như thịt non” ... Tất cả những nhân vật này đều là “sản phẩm lỗi của tạo hóa”, là những tác phẩm tồi, nhưng nó vẫn hiện hữu trong cuộc sống của con người. Họ mang những nỗi khổ riêng, không ai giống ai nhưng tất cả đều sống trong sự chiêm nghiệm đầy chua xót. Tuy nhiên, khi viết về những nhân vật này, các nhà văn đều có một điểm chung nhất quán là nhìn thấy và cố gắng khai thác những vẻ đẹp bản thể của họ - những “vẻ đẹp rất người”. Hầu hết những nhân vật này đều mang trong mình một nghị lực sống phi thường và sự phấn đấu không mệt mỏi: Hồng Hà (*Những cô em gái*) “là một cuốn từ điển sống”, với trí nhớ siêu việt, có thể “thuộc lòng nguyên cả cuốn từ điển Pháp Việt dày cộm”; Bảy (*Bàn có năm chỗ ngồi*) thông minh, nhanh nhẹn, cẩn thận, thích đọc sách, là “người bạn tốt và hiền lành”; Mẫn (*Phòng trọ ba người*) học giỏi, thi đậu vào Đại học Bách khoa; ông Năm Ve (*Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*) sống hiền lành, thương con; chú Đàn “thối ac-mô-ni-ca hay nhất làng”. Hai anh em Tí “dính chùm” vẫn tham gia những trò chơi của trẻ con và chơi rất giỏi. Tí anh có thể “bắn bi bằng một tay”, “làm mọi việc cho mình” và “làm rất nhanh”; Đầu To (*Vua lũ đồ chơi* -

Quế Hương) là một trí tuệ hơn người, một tâm hồn giàu có, không chỉ là Vua của lũ đồ chơi mà còn là “Vua của sự thánh thiện”... Có thể thấy, những nhân vật này tuy dị biệt ở ngoại hình nhưng họ đều là người với những phẩm chất, tâm hồn và cảm xúc rất con người.

Ở một góc nhìn khác, nhà văn còn viết về những nhân vật có nhân hình dị biệt ở dạng con người chưa hoàn thiện, kiểu nhân vật “cận người”. Nhân vật cô Ba (*Trên đôi cao chẵn bầu thiên sứ* - Nguyễn Ngọc Thuần) do “sinh thiếu thán, thay vì hoàn thiện giai đoạn tối thiểu của một bào thai, cô đã chào đời vội vàng. Cô đi trước thời gian”, “da cô mỏng lét và những đường gân máu cứ trôi lên”. Chính vì thế, cô được nhìn nhận như người nhưng chỉ là “người thai nhi”. Sự thiếu hụt trong cơ thể của bào thai bấy tháng tuổi ẩn chứa một cái gì sai sai của tạo hóa mà nhìn vào nó người ta như thấy một nỗi đau, một vết sẹo nhức nhối, chưa lành.

Nếu như cô Ba trong *Trên đôi cao chẵn bầu thiên sứ* được định danh là “người thai nhi” thì nhân vật Quỳnh (*Thằng quý nhỏ*) lại được gọi là “thằng quý nhỏ”. Quỳnh “có hai vành tai to khác thường và cái mũi cũng to không kém”, cái tai kỳ dị có thể ve vẩy như cái quạt, như cánh bướm. Quỳnh bất lực trong việc điều khiển cái tai của mình. Nhân vật Quỳnh làm người đọc liên tưởng tới hình ảnh chàng Quasimodo (*Nhà thờ Đức bà Pari* - Victor Hugo) - người gác chuông bất hạnh nhưng tốt bụng. Quỳnh và Quasimodo đều hiện lên với vẻ gọt đẽo sơ sài của

tạo hóa nhưng ẩn sâu trong đó là chất ngọc của một tâm hồn trong sạch.

Nhìn chung, với những nhân vật được xây dựng ngoại hình kỳ dị, nhà văn đã mang đến cho người đọc ấn tượng về những cái khác lạ. Những đặc điểm đó đã khơi lên trong lòng bạn đọc sự tò mò, đồng thời cũng phần nào giúp bạn đọc thay đổi tư duy trong cách nhìn nhận nhân vật cũng như nhìn nhận con người và cuộc sống.

Không chỉ dừng lại ở việc khắc họa những dị biệt về nhân dạng, VHTN thời kỳ đổi mới và hội nhập còn xây dựng hình tượng những nhân vật dị biệt về tâm lý và tính cách. Đó là những con người mang trong mình những dị biệt tự thân ở bên trong với những bất loạn và sự căng thẳng của cảm xúc, của tâm lý và nỗi niềm thân phận. Trước hết là sự cô đơn và mặc cảm. Khi miêu tả những nhân vật dị biệt về ngoại hình, các tác giả cũng đồng thời hướng ngòi bút của mình vào việc khai thác đời sống tâm lý đầy bất loạn trong nỗi cô đơn và mặc cảm. Họ tự ý thức hơn ai hết về thân phận của mình như một thứ tồn tại cấp thấp. Mẫn (*Phòng trọ ba người*) luôn “mặc cảm về sự không toàn vẹn của mình” nên “thường ngồi dưới một gốc cây trong sân trường nhìn bạn bè chạy nhảy, hò hét với nỗi thèm muốn và ghen tị lặng lẽ”. Anh “vùi đầu vào sách vở” nhưng trạng thái tâm lý đó dường như chỉ là vỏ bọc bên ngoài che giấu con người thực của anh. Từ trong sâu thẳm trái tim Mẫn vẫn là nỗi mặc cảm, làm cho anh cảm thấy mình xa lạ, cô đơn giữa bạn bè, càng ngày càng sống co rút như thể con ốc thu mình trong

lớp vỏ, sự cô đơn đã trở thành “bạn đồng hành thân thiết của anh”. Chú Đản trong *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh* cũng “nuôi” trong lòng nỗi buồn vô tận, chú trút “nỗi buồn da diết” ấy vào tiếng đàn ac-mô-ni-ca. Trong *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*, ba của Mận vì nghi ngờ bị bệnh phong mà ông đã gói nỗi buồn, nỗi cô đơn trên căn gác nhỏ, đóng sập ngưỡng cửa giao tiếp với mọi người. Khi nỗi cô đơn bị đẩy lên cùng cực, ông đã tự tay đốt nhà, dựng hiện trường giả để giải thoát cho chính mình và vợ con. Quỳnh (*Thằng quý nhỏ*) luôn cô độc với vị trí ở góc lớp, ấn định vị thế của một kẻ lạc loài trong mắt đồng loại. Càng muốn thay đổi tính cách, Quỳnh lại càng thu mình như con ốc trong vỏ bọc cô đơn, mặc cảm giữa bạn bè. Nhân vật cô bé bại liệt và người mẹ câm trong truyện của Lê Cảnh Nhạc hay nhân vật Toàn, cô Út trong truyện của Nguyễn Ngọc Thuần cũng đều mang nặng nỗi cô đơn, mặc cảm ... Nỗi buồn tui, cô đơn của các nhân vật này đã để lại trong lòng độc giả về một cuộc đời chỉ là nước mắt. Nỗi cô đơn của họ như tràn từ ngày này sang tháng khác, nó như dầy lên, cao thêm thành một khối cô đơn khổng lồ thấm đẫm từng trang viết. Những con người bất hạnh hiện lên với những khiếm khuyết về thân thể trong cuộc sống đầy áp sự bất an, họ như thu mình lại trong một vũ trụ riêng đầy áp mặc cảm, trống vắng. Mỗi nhân vật như là một thực thể cô đơn, xa lạ với thế giới xung quanh và với bản thân mình. Để rồi con người như nhỏ bé, đơn độc, mỏng manh, yếu đuối, bất lực trước khối cô đơn khổng lồ, đặc quánh của cuộc đời.

Mang trong mình nỗi cô đơn, mặc cảm, những nhân vật này đôi khi cũng mang trong mình nỗi ám ảnh, sợ hãi. Nhân vật Mẫn trong *Phòng trọ ba người* luôn sống trong nỗi ám ảnh về những gì không có thật, về câu chuyện tình huyền hoặc mà anh tự nghĩ ra để lừa dối các bạn và lừa dối chính bản thân mình. Quỳnh trong *Thằng quý nhỏ* luôn luôn bị ám ảnh và sợ hãi trước những lời trêu ác ý của bạn bè. Những lời châm chọc “như mũi dao chích vào người Quỳnh khiến anh co rúm người lại”, buồn tui, sợ hãi... Khai thác những ám ảnh, sợ hãi của nhân vật, các tác giả đã phơi bày thế giới nội tâm phong phú, đa diện, phức tạp của họ. Đó là phần chìm, khuất lấp nhưng là bản chất rất thật của con người.

Những nhân vật bị dị biệt về tâm lý đôi khi còn hiện diện là con người với trạng thái điên. Không chỉ điên do bẩm sinh, mà còn điên do những sang chấn về tâm lý, về thể chất. Bé Nhi trong *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh* do tai nạn một lần đi xem xiếc mà “trở nên ngớ ngẩn”. Vì thương con, không muốn con bị tổn thương do những trêu chọc của bạn bè, ông Tám Tàng đã làm nhà bên đời Cỏ Úa để bé Nhi được sống trong một không gian hoàn toàn tách biệt. Em “sống hạnh phúc trong thế giới riêng” cùng với cha. Đời Cỏ Úa chính là không gian hiện thực “cổ tích” của em. Em là “Công chúa” mặc áo đầm xanh, tay phồng, có tua ren màu hồng, tóc thắt nơ hồng, trên cổ đeo một chuỗi ngọc màu tím, còn cha em là “Đức vua” bất đắc dĩ... Bà cả Sề trong *Một thiên năm mộng* bị điên do cú sốc lớn khi mất con.

Suốt trong mười bảy năm, bà bồn loạn với những ý nghĩ đi tìm con, bà chạy rất nhanh đuổi theo bọn trẻ với những tiếng kêu man dại vì ngỡ chúng là ... con của mình. Tiếng khóc chính là thứ ngôn ngữ giao tiếp với cuộc sống của người mẹ điên muốn được ôm con trong tay, được hôn một đứa trẻ. Cô Ba trong *Trên đôi cao chẵn bầu thiên sứ* cũng luôn sống trong trạng thái "điên". Cô rõ ràng mang hình hài con người nhưng không thể thuộc về cộng đồng người trong những mối tương giao... Mô tả hàng loạt những hành động điên loạn và những suy nghĩ phi lý của những nhân vật mạng trạng thái điên, các tác giả đã đem đến cho người đọc cảm nhận về sự tồn tại có thật của những con người đó trong xã hội. Họ mang hình hài là con người nhưng lại không có ý

thức người, không mang tính cách người và tâm hồn người...

Nhìn chung, nhân vật dị biệt trong VHTN thời kỳ đổi mới và hội nhập đã cho người đọc, đặc biệt là bạn đọc trẻ thơ hiểu thêm về sự khác lạ và chiều sâu bí ẩn của tâm lý con người. Những tác phẩm này đã khơi gợi trong lòng độc giả sự cảm thông, chia sẻ cùng cách nhìn nhận đa diện về con người và cuộc sống, hình thành ở trẻ thơ những trải nghiệm đa dạng của cảm xúc, từ đó làm rộng rãi và sâu sắc thêm cho thế giới tâm hồn các em. Đây là một trong những đóng góp quan trọng của các nhà văn trong tiến trình hiện đại hóa văn học thiếu nhi Việt Nam nói riêng, văn học Việt Nam nói chung. ■

NHÂN VẬT CHÍNH...

tập trung vào các đề tài lịch sử của đất nước. Song các bộ phim ấy chỉ đến được với người xem vào các dịp lễ. Nhà nước cần thiết nên đầu tư đặt hàng cho các Hãng phim làm những bộ phim về đề tài đương đại, đề cao phẩm giá con người Việt Nam, văn hóa Việt Nam.

Tuy nhiên, cũng có một số phim tốt như *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*, *12 chòm sao*, *Vẽ đường cho yêu chạy*, *Lô tô*, *Cô Ba Sài Gòn*... Nhưng số phim này còn quá ít nếu so sánh với hàng trăm phim thuộc dạng bình dân như trên. Đó là chưa kể đến làn sóng phim ngoại nhập, trung bình mỗi năm khoảng

(Tiếp theo trang 27)

200-300 bộ phim đã nhấn chìm điện ảnh Việt mới chập chững bước vào cơ chế thị trường.

Trong 5 năm trở lại đây (2016-2020), có nhiều dự án làm phim của Nhà nước nhưng chưa được cấp kinh phí. Nếu Nhà nước bỏ trống lĩnh vực điện ảnh thì trên màn ảnh chỉ hoàn toàn có phim ngoại nhập từ Mỹ và Hàn Quốc với các phim kinh dị, bạo lực, giải trí, thương mại. Bên cạnh đó, dòng phim tư nhân với những loại phim kể trên hầu như không tác động đến trí tuệ và tình cảm người xem. Chúng chỉ góp phần tạo ra lớp khán giả ích kỷ, vô cảm. ■